

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 1639 /UBND-TCKH
V/v xây dựng dự toán ngân
sách nhà nước năm 2023

Long Biên, ngày 30 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận;
- Văn phòng Quận ủy, Trung tâm chính trị.
- UBND 14 phường.

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023 – 2025;

Thực hiện Hướng dẫn số 4423/HD-STC ngày 12/8/2022 của Sở Tài chính Hà Nội về xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025;

Để công tác xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, UBND quận Long Biên yêu cầu các phòng, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp và UBND các phường thực hiện các nội dung sau:

1. Yêu cầu:

- Dự toán NSNN năm 2023 phải được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; Đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31/12/2022; Phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND các cấp thông qua; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo chỉ thị của UBND Thành phố.

- Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2022, các cơ quan, đơn vị cần xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2023, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023, phù hợp với khả năng nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định); triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN.

- Các đơn vị khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành, chưa đến thời điểm áp dụng thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

** Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị và UBND các phường nghiên cứu hướng dẫn số: 4423/HD-STC ngày 12/8/2022 của Sở Tài chính Hà Nội về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 để tham khảo, xây dựng dự toán. (Toàn văn Hướng dẫn 4423/HD-STC ngày 12/8/2022 của Sở Tài chính được gửi kèm công văn này)*

2. Nội dung thực hiện:

2.1 Đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu-chi NSNN năm 2022:

Trên cơ sở kết quả đạt được 8 tháng đầu năm và số ước thực hiện năm 2022, UBND các phường, các đơn vị sử dụng NSNN thuộc quận đánh giá, phân tích cụ thể kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong quản lý điều hành thu, chi ngân sách năm 2022; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp khắc phục, trong đó cần tập trung một số nội dung sau:

a. Về thu ngân sách

Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu ngân sách năm 2022, chú ý làm rõ:

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong lĩnh vực và tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid -19; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế, khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế phí, lệ phí, các giải pháp để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Nghị

quyết số 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế 06 tháng đầu năm 2022; dự kiến kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2022 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao – nếu có) và ước tổng số tiền nợ thuế đến ngày 31/12/2022. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Báo cáo kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá QSD đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Đánh giá tình hình thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2022 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

b. Về chi ngân sách

b.1. Đối với chi đầu tư phát triển:

Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển năm 2022, trong đó cần tập trung một số nội dung sau:

- Đánh giá tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2022, chi tiết theo từng lĩnh vực chi.

- Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng đến ngày 31/12/2021; ước số xử lý trong năm 2022; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31/12/2022 (chi tiết từng dự án).

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và số vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án sử dụng vốn đầu

tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2022, dự kiến đến hết năm 2022; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

b.2. Đối với chi thường xuyên:

Các cơ quan, đơn vị tập trung đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 như sau:

- Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 06 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2022 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, trong đó bên cạnh việc đánh giá các nhiệm vụ chi theo dự toán, tập trung làm rõ tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch Covid 19 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid 19.

- Đối với các nhiệm vụ chi an ninh, quốc phòng được áp dụng cơ chế sử dụng nguồn chi thường xuyên NSNN theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, cơ quan, đơn vị đánh giá việc triển khai thực hiện theo quy định.

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án lớn từ nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 06 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2022; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế chính sách trong tổ chức thực hiện.

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới nâng cao khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến việc bố trí NSNN theo từng lĩnh vực trong năm 2022, lũy kế đến hết năm 2022 và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại không đưa vào cân đối NSNN; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết lĩnh vực chi.

2.2 Xây dựng dự toán thu - chi NSNN năm 2023:

Các phòng ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc quận, UBND các phường xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2023 căn cứ theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản có liên quan của Trung ương và Thành phố đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31/12/2022 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó tập trung một số nội dung cơ bản sau:

a) Đối với xây dựng dự toán thu NSNN năm 2023

Việc xây dựng dự toán thu NSNN bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính thế giới và trong nước tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch

chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, về quản lý thu, chính sách miễn, giảm thuế phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế...Đồng thời việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu.

- Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2023 (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) tăng bình khoảng từ 7-9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Mức tăng cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn quận.

- Dự toán thu NSNN năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu thông tin về đất đai, đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác.

- Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN nhưng các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

- Trong xây dựng dự toán thu NSNN năm 2023, tạm tính phân cấp nguồn thu giữa NSTW và NSDP, giữa các cấp chính quyền địa phương như năm 2022 (tỷ lệ cụ thể sẽ được HĐND Thành phố quyết định, trong trường hợp Quốc hội xác định lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

b) Đối với xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023:

b.1. Chi đầu tư phát triển: Nội dung, trình tự thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số: 1461/UBND-TCKH ngày 08/8/2022 của UBND quận Long Biên về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 các dự án triển khai trên địa bàn quận Long Biên.

b.2. Chi thường xuyên: Xây dựng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực bảo đảm đúng chính sách, chế độ, theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN; xây dựng chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân.

- Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định. Không bố trí chi thường xuyên cho các nhiệm vụ mới về cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

- Dự toán chi thường xuyên năm 2023 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Kết luận số 28-KL/TW; trong đó quỹ lương tính theo biên chế được giao (nếu có) hoặc theo Kết luận số 28-KL/TW, trên cơ sở đó xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2023 so với năm 2022; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo.

Bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ) để dành nguồn tăng chi ĐTPT và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

- Dự toán chi hoạt động năm 2023 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết 19-NQ/TW, Nghị quyết 01/2021/UBTVQH15, quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP, Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy, Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND thành phố về triển khai thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội sang tự chủ tài chính năm 2021 và giai đoạn 2021 – 2025, định mức, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Thành phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó:

+ Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2022 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2023.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên tiếp tục giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại chi theo quy định pháp luật về phí và lệ phí; dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đảm bảo thực hiện theo đúng lộ trình nâng mức độ tự chủ theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

- Xác định quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do ngân sách NN đảm bảo: (i) Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023 (trường hợp chưa được giao biên chế năm 2023, xác định theo biên chế được giao năm 2022), bao gồm quỹ lương của số biên chế thực tế có mặt tính đến thời điểm 01/7/2022, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bổ trí đủ kinh phí để đảm bảo các chế độ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định) và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.490.000 đồng/tháng và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; (ii) Giảm quỹ tiền lương đối với các trường hợp phải tiếp tục tinh giản biên chế. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có kế hoạch tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ hoặc tuyển dụng cán bộ, công chức, chuyên gia có kinh nghiệm có hệ số hiện hưởng cao hơn hệ số lương bậc của công chức A1 theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt thì xác định quỹ lương tăng thêm của các đối tượng theo quy định.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2023 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Kinh phí thực hiện ký hợp đồng công việc theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự

nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đối với kinh phí cho hoạt động giám sát, phản biện của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: lập dự toán theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND thành phố. Ngân sách cấp quận bố trí đảm bảo kinh phí ngoài định mức khoán kinh phí hoạt động theo quy định; kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố”: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND thành phố về quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: (i) Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; (ii) Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật: NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b.3. Lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương

Tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và hướng dẫn của Bộ Tài chính, trong đó:

- Xác định lại số tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2023 dành để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

- Rà soát, đề xuất việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình theo phân cấp sau khi đã bảo đảm đủ nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy

định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội và gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố.

b.4. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo quy định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2022, xây dựng dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 báo cáo UBND quận. Chuẩn bị các nội dung liên quan để thảo luận dự toán với Sở Kế hoạch - Đầu tư và Sở Tài chính Hà Nội.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu mua sắm của các đơn vị; Xây dựng kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị; Đề xuất phân bổ dự toán chi mua sắm năm 2023.

3.2. Các phòng, ban, đơn vị:

Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đối với các khoản kinh phí không thực hiện tự chủ đã giao năm 2022. Rà soát, tổng hợp các nhiệm vụ cần triển khai trong năm 2023 (Loại bỏ những nội dung đã giao năm 2022 nhưng năm 2023 không còn nhiệm vụ, đề xuất những nội dung phát sinh mới trong năm 2023), báo cáo lãnh đạo phụ trách khối xin ý kiến chỉ đạo. Trong đó một số phòng ban, đơn vị khi xây dựng dự toán cần lưu ý:

- Ban quản lý dự án, trung tâm phát triển quỹ đất: Chủ trì phối hợp với các đơn vị khảo sát, đánh giá, đề xuất phương án cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp đối với những công trình thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc quận đang quản lý sử dụng; Lập dự toán chi trình UBND quận phê duyệt.

- Cơ quan Thường trực các Chương trình cấp ủy, Đề án: Chủ trì phối hợp các đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai, lập dự toán chi tiết theo nội dung kế hoạch được duyệt; Báo cáo, xin ý kiến Ban chỉ đạo các Chương trình cấp ủy, Đề án quyết định.

- Một số nhiệm vụ cụ thể khác, các đơn vị xây dựng dự toán gửi cơ quan chủ trì, đồng thời gửi sở, ban ngành cấp trên để bố trí kinh phí Thành phố đối với các nội dung thuộc phân cấp Thành phố thực hiện.

4. Tiến độ xây dựng dự toán thu-chi ngân sách năm 2023

- Về nội dung, biểu mẫu và thời gian báo cáo: Các đơn vị thực hiện theo biểu tiến độ chi tiết kèm theo.

- Hình thức báo cáo : Đơn vị gửi 01 bản báo cáo xây dựng dự toán chi tiết (ký, đóng dấu) và gửi file dữ liệu đính kèm vào email:

+ Khối phường: nguyenhaiha_longbien@hanoi.gov.vn

+ Khối phòng ban, đoàn thể, tổ chức hội, văn phòng quận ủy, trung tâm chính trị, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm VH TT&TT):
hoangminhghia_longbien@hanoi.gov.vn

+ Khối trường học:

> Mầm non: phanthimai_longbien@hanoi.gov.vn

> Tiểu học: hoangminhghia_longbien@hanoi.gov.vn

> THCS: domanhquynh_longbien@hanoi.gov.vn

(Danh mục mẫu biểu chi tiết theo phụ lục đính kèm)

UBND quận yêu cầu các đồng chí Trưởng các phòng, ban, đơn vị; Chủ tịch UBND các phường nghiêm túc tổ chức thực hiện. Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi, tổng hợp danh sách các đơn vị không thực hiện chế độ báo cáo đúng tiến độ, báo cáo UBND quận để xem xét, xử lý. /

Nơi nhận:

- TT Quận ủy;
- TT HĐND quận;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Chi cục thuế quận;
- UBND các phường;
- Lưu VF, TCKH (4b)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hà

BIỂU TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2023

(Kèm theo công văn số: 1639 /UBND-TCKH ngày 9 tháng 8 năm 2022 của UBND quận Long Biên)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TỔNG HỢP	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN, PHÓI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH GỬI CƠ QUAN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	GHI CHÚ
I	Xây dựng dự toán năm 2023 để báo cáo UBND quận và phục vụ thảo luận Sở KH&ĐT, Sở Tài chính	Phòng TCKH	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị và UBND các phường	Trước 10/9/2022	
II	Các nội dung cần triển khai thực hiện để phục vụ công tác giao dự toán năm 2023				
1	Xây dựng dự toán chi Chương trình cấp ủy, Đề án năm 2023: Cơ quan thường trực tổng hợp dự toán chi tiết từ các đơn vị, báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo Ban chủ nhiệm các Chương trình; Lập dự toán gửi phòng Tài chính-Kế hoạch tổng hợp báo cáo UBND quận	Cơ quan được giao thường trực của các Chương trình, Đề án	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị và UBND các phường	Trước 15/10/2022	
2	Xây dựng dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản; Cải tạo, sửa chữa tài sản				
2.1	Các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu mua sắm của các đơn vị; Xây dựng kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị; Đề xuất phân bổ dự toán chi mua sắm năm 2023	Phòng TCKH	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị	Trước 15/10/2022	
2.2	Xây dựng dự toán cải tạo sửa chữa: Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế, Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của UBND quận, Đơn vị lập dự toán chi tiết gửi phòng Tài chính-Kế hoạch tổng hợp báo cáo UBND quận	Ban quản lý dự án ĐTXD, Trung tâm phát triển quỹ đất	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị	Trước 30/10/2022	Quy trình thực hiện theo văn bản số 2004/UBND-TCKH ngày 05/10/2018 về việc hướng dẫn thực hiện công tác bảo trì công sở, trụ sở, nhà làm việc của các cơ quan hành chính, sự nghiệp trên địa bàn quận

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TỔNG HỢP	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN, PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH GỬI CƠ QUAN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	GHI CHÚ
3	Xây dựng dự toán đối với nhiệm chi không giao tự chủ				
3.1	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao các đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 để làm cơ sở xây dựng dự toán năm 2023. Trong đó, cần làm rõ một số nội dung sau: - Những nhiệm vụ đã giao năm 2022 vẫn tiếp tục thực hiện trong năm 2023 - Những nhiệm vụ đã giao năm 2022 đến năm 2023 không tiếp tục thực hiện - Những nhiệm vụ phát sinh mới theo yêu cầu của TU, TP, quận	Phòng TCKH	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị	Xong trước 30/10/2022	
3.2	Báo cáo Lãnh đạo phụ trách khối, xin ý kiến chỉ đạo đối với những nội dung đã nêu trên trước khi lập dự toán năm 2023 gửi cơ quan Tài chính	Phòng TCKH	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị	Xong trước 30/10/2022	
3.3	Họp UBND quận thảo luận dự toán năm 2023	Phòng TCKH	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị	Xong trước 10/11/2022	
3.4	Báo cáo Thường trực, Ban thường vụ quận ủy	Phòng TCKH	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị	Xong trước 15/11/2022	
3.5	Tổng hợp báo cáo HĐND quận	Phòng TCKH	Các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị	Xong trước 25/11/2022	

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CƠ BẢN NĂM 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Năm 2023
A	B	C	1	2	3	4
1	Diện tích	ha				
	Trong đó:					
	- Đất nông nghiệp	ha				
	- Đất lâm nghiệp	ha				
	- Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên	ha				
	- Diện tích rừng tự nhiên	ha				
	- Diện tích trồng lúa	ha				
2	Dân số	người				
	Trong đó:					
	- Dân số đô thị	người				
	- Dân số đồng bằng	người				
	- Dân số miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	người				
	- Dân số vùng cao - hải đảo	người				
	- Tốc độ tăng dân số	%				
	- Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	- Dân số trong độ tuổi đến trường từ 18 tuổi trở xuống	người				
	- Dân số sinh sống ở các loại đô thị:	người				
	+ Loại đặc biệt	người				
	+ Loại I	người				
	+ Loại II	người				
	+ Loại III	người				
	+ Loại IV	người				
	+ Loại V	người				
	- Dân số là người dân tộc thiểu số	người				
	- Dân số nhập cư vĩnh lai	người				
3	Đơn vị hành chính cấp xã	xã				
	Trong đó:					
	- Cấp xã	xã				
	- Cấp phường	xã				
	- Cấp thị trấn	xã				
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	xã				
4	Số đơn vị hành chính mang tính đặc thù	đơn vị				
5	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)					
	- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	tỷ đồng				
	- Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản	tỷ đồng				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Năm 2023
A	B	C	1	2	3	4
	- Giá trị ngành dịch vụ	tỷ đồng				
	- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	%				
	- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản	%				
	- Tỷ trọng giá trị ngành dịch vụ	%				
6	Số doanh nghiệp trên địa bàn do quận, huyện, thị xã quản lý	doanh nghiệp				
	Trong đó:					
	- Doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp ngoài quốc doanh					
	+ Số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh	doanh nghiệp				
	+ Số doanh nghiệp thực tế quản lý thu thuế	doanh nghiệp				
	+ Số nộp ngân sách	triệu đồng				
	- Kinh tế tập cá thể					
	+ Số hộ đăng ký sản xuất, kinh doanh	hộ				
	+ Số hộ quản lý thu lệ phí môn bài	hộ				
	+ Số hộ quản lý thu cố định	hộ				
	+ Số nộp ngân sách	triệu đồng				
7	Giải quyết việc làm	người				
8.1	Số người nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố	người				
8.2	Số người cận nghèo theo chuẩn cận nghèo của Thành phố	người				
9	Giáo dục, đào tạo					
	- Số giáo viên	người				
	- Quỹ lương	triệu đồng				
	- Số học sinh	học sinh				
	Trong đó:					
	+ Học sinh Dân tộc nội trú	học sinh				
	+ Học sinh không học trường nội trú mà học tại các trường bán, công lập khác	người				
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	học sinh				
10	Y tế:					
	- Cơ sở khám chữa bệnh	cơ sở				
	- Số giường bệnh	giường				
	Trong đó:					
	+ Giường bệnh cấp tỉnh	giường				
	+ Giường bệnh cấp huyện	giường				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Năm 2023
A	B	C	1	2	3	4
	+ Giường phòng khám khu vực	giường				
	+ Giường y tế xã phường	giường				
	- Số đối tượng mua BHYT					
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	người				
	+ Người thuộc hộ nghèo	người				
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Triệu đồng				
	+ Người hiến bộ phận cơ thể	người				
	+ Học sinh, sinh viên	người				
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	người				
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	người				
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	người				
11	Chỉ tiêu bảo đảm xã hội					
	- Trung tâm bảo trợ xã hội	cơ sở				
	- Số đối tượng sống tại trung tâm bảo trợ xã hội	người				
	- Đối tượng cứu trợ xã hội không tập trung	người				
	- Số gia đình bệnh binh	gia đình				
	- Số gia đình thương binh	gia đình				
	- Số gia đình liệt sỹ	gia đình				
	- Số gia đình có công với đất nước	gia đình				
	- Số gia đình có Bà mẹ Việt Nam anh hùng	gia đình				
	- Số gia đình có anh hùng lực lượng vũ trang	gia đình				
	- Số gia đình có người hoạt động kháng chiến	gia đình				
	- Số gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng	gia đình				
	- Người bị nhiễm chất độc màu da cam	người				
	- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số	hộ				
	Trong đó: Số hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo	hộ				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Năm 2023
A	B	C	1	2	3	4
	- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội	người				
12	Văn hóa thông tin					
	- Số đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp	đoàn				
	- Số đoàn nghệ thuật truyền thống	đoàn				
	- Số đội thông tin lưu động	đội				
	- Di sản văn hóa thế giới	di sản				
	- Di sản văn hóa cấp quốc gia	di sản				
13	Phát thanh, truyền hình					
	Số huyện ở miền núi-vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu có trạm phát lại phát thanh truyền hình	huyện				
14	Thể dục thể thao					
	- Số vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia	người				
	- Số vận động viên khuyết tật tham gia các giải do Trung ương tổ chức	người				

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN, XÃ, PHƯỜNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
			Dự toán	Ước thực hiện	
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN				
-	Thu nội địa				
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp				
1	Các khoản thu được hưởng 100%				
2	Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ (%)				
II	Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
	+ Bổ sung dự toán đầu năm				
	+ Bổ sung dự toán trong năm				
III	Thu kết dư năm trước				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
V	Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách				
C	CHI NGÂN SÁCH QUẬN (HUYỆN, THỊ XÃ)				
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên				
3	Dự phòng ngân sách				
4	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL				
5	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				
6	Chi hoàn trả ngân sách Thành phố				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu				
1	Chi thực hiện các chế độ, chính sách (chi thường xuyên)				
2	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu (chi đầu tư)				

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			Dự toán năm 2023	% DT năm 2023 so với	
			Dự toán Thành phố giao	Dự toán quận, huyện giao	Ước thực hiện		Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022
A	B	1	2	3	4	5	6=5/2	7=5/4
	Phần I - Tổng thu NSNN trên địa bàn							
1	Thu thuế CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh (NQD)							
	- Thuế giá trị gia tăng							
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	- Thuế tài nguyên							
	- Thu khác NQD							
2	Lệ phí trước bạ							
	- Lệ phí trước bạ nhà đất							
	- Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền							
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (nhà đất)							
5	Thuế thu nhập cá nhân							
6	Thuế môi trường							
7	Thu phí, lệ phí							
	<i>Trong đó: Phí thắng cảnh</i>							
	- Phí, lệ phí quận (huyện, thị xã) quản lý thu							
	- Phí, lệ phí xã (phường, thị trấn) quản lý thu							
8	Tiền sử dụng đất							
	- Thu giao đất dự án							
	- Thu đấu giá đất có diện tích >5.000m ² (hoặc dưới 5.000m ² tiếp giáp đường phố).							
	- Thu giao đất giãn cư, đấu giá đất (nhỏ lẻ, xen kẹt)							
	- Thu khác							
9	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (QHXP quản lý)							
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản của NS xã							
11	Các khoản thu khác ngân sách							
	- Thu khác ngân sách quận (huyện, thị xã)							
	- Thu khác ngân sách xã (phường, thị trấn)							
	Phần II - Thu ngân sách quận (huyện, thị xã)							
A	Tổng các khoản thu cân đối ngân sách							
I	Số thu ngân sách quận huyện (bao gồm NSXP) được hưởng theo phân cấp (sau điều tiết)							

STT	NỘI DUNG	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			Dự toán năm 2023	% DT năm 2023 so với	
			Dự toán Thành phố giao	Dự toán quận, huyện giao	Ước thực hiện		Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022
A	B	1	2	3	4	5	6=5/2	7=5/4
	Tr.đó: - Tiền sử dụng đất							
	- Các khoản thu còn lại							
1	Các khoản thu được hưởng 100%							
2	Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ (%)							
II	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố							
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách							
2	Thu bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ							
	- Thu bổ sung có mục tiêu vốn XDCB							
	- Thu bổ sung có mục tiêu và các nhiệm vụ khác (chi thường xuyên)							
III	Các khoản thu không giao dự toán đầu năm (1)							
1	Thu chuyển nguồn năm trước							
2	Thu kết dư năm trước chuyển sang							
3	Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách							

Ghi chú: (1) Phản ánh các khoản thu ngân sách Thành phố không giao đầu năm trong quá trình thực hiện dự toán quận, huyện đã phân bổ giao dự toán đầu năm và trong năm; Dự toán năm 2022 thể hiện số dự toán chuyển nguồn, kết dư 2021 dự định phân bổ ngay từ đầu năm (nếu có).

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2023

Số TT	Nội dung các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Dự toán Thành phố giao 2022	Dự toán quận huyện giao năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	% DT năm 2023 so với		
							Dự toán Thành phố giao năm 2022	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Phần I - Tổng chi NS quận, huyện								
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản								
1	Chia theo nguồn vốn								
-	Nguồn vốn XDCB tập trung theo phân cấp								
-	Chi từ tiền SD đất								
-	Nguồn BS có mục tiêu từ NSTP vốn XDCB								
-	Từ chuyển nguồn, tăng thu, thường thu vượt DT								
2	Chia theo lĩnh vực chi								
2.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
2.2	Chi khoa học và công nghệ								
2.3	Chi quốc phòng								
2.4	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội								
2.5	Chi y tế, dân số và gia đình								
2.6	Chi văn hóa thông tin								
2.7	Chi phát thanh, truyền hình								
2.8	Chi thể dục thể thao								
2.9	Chi bảo vệ môi trường								
2.10	Chi các hoạt động kinh tế								
2.11	Chi quản lý hành chính nhà nước, đoàn thể								
2.12	Chi bảo đảm xã hội								
2.13	Chi đầu tư khác								
II	Chi thường xuyên								
	<i>Tr.đó: - 10% tiết kiệm chi thường xuyên</i>								
1	Chi sự nghiệp kinh tế								
	- Sự nghiệp nông-lâm-thủy lợi								
	- Sự nghiệp giao thông								
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính								
	<i>Tr.đó: Dịch vụ đô thị, công ích</i>								
	- Sự nghiệp khác								
2	Chi sự nghiệp môi trường								
	<i>Tr.đó: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải</i>								
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ								
4	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề								
	<i>Tr.đó: Sự nghiệp Giáo dục</i>								
5	Chi sự nghiệp Y tế và dân số KHHGD								
6	Chi sự nghiệp VH TT								
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình								
8	Chi sự nghiệp TDTT và du lịch								
9	Chi đảm bảo xã hội								
10	Chi quản lý hành chính, đảng đoàn thể								
	- Chi quản lý nhà nước								
	- Hỗ trợ ngân sách Đảng								
	- Chi hỗ trợ các Hội, Đoàn thể chính trị								
11	Chi an ninh, quốc phòng								
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội								
	- Chi quốc phòng địa phương								
12	Chi khác ngân sách								
III	Dự phòng ngân sách								
IV	Dành nguồn cải cách tiền lương								

Số TT	Nội dung các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Dự toán Thành phố giao 2022	Dự toán quận huyện giao năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	% DT năm 2023 so với		
							Dự toán Thành phố giao năm 2022	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
V	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau								
VI	Chi hoàn trả ngân sách Thành phố								

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2023 ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị khối lượng lũy kế từ khởi công đến 31/7/2022	Lũy kế đã thanh toán đến 31/7/2022		Số vốn đã bố trí đến hết 31/12/2022		Tổng số	Tr.đó: thanh toán khối lượng các năm trước	Dự toán năm 2023		
								Tổng số	trong đó ngân sách Thành phố hỗ trợ	Tổng số	trong đó ngân sách Thành phố hỗ trợ			Bố trí ngân sách huyện	Từ các nguồn khác	Đề nghị ngân sách Thành phố hỗ trợ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TỔNG SỐ																
A	NGÀNH, LĨNH VỰC															
1	Dự án đầu tư mới															
-	Dự án A															
-															
2	Dự án chuyển tiếp															
-	Dự án B															
-															
B	NGÀNH, LĨNH VỰC															
1	Dự án đầu tư mới															
-	Dự án C															
-															
2	Dự án chuyển tiếp															
-	Dự án D															
-															

Ghi chú: Ngành, lĩnh vực chi tiết theo 13 lĩnh vực chi thường xuyên theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2022 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2025 - 2030	Thực hiện 2021	Năm 2022		DT2023	So sánh	
					Dự toán	UTH		DT 2023/DT 2022	DT 2023/UTH 2022
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số								
	Phần I: Dự án thuộc Thành phố quản lý								
	<i>trong đó</i>								
A	Chuyển tiếp								
I	Các dự án giáo dục								
	<i>+ Tỷ trọng trong tổng số chi</i>								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
...	...								
II	Các dự án y tế								
	<i>+ Tỷ trọng trong tổng số chi</i>								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
...	...								
B	Khởi công mới								
I	Các dự án giáo dục								
	<i>+ Tỷ trọng trong tổng số chi</i>								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
...	...								
II	Các dự án y tế								
	<i>+ Tỷ trọng trong tổng số chi</i>								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
...	...								
	Phần II: Dự án phân cấp cho quận, huyện quản lý								
	<i>trong đó</i>								
A	Chuyển tiếp								
I	Các dự án giáo dục								
	<i>+ Tỷ trọng trong tổng số chi</i>								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
...	...								
II	Các dự án y tế								
	<i>+ Tỷ trọng trong tổng số chi</i>								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
...	...								
B	Khởi công mới								
I	Các dự án giáo dục								
	<i>+ Tỷ trọng trong tổng số chi</i>								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
...	...								
II	Các dự án y tế								
	<i>+ Tỷ trọng trong tổng số chi</i>								
1	Dự án A								
2	Dự án B								
...	...								

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
CHO NGÂN SÁCH QHXP NĂM 2023**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2022		Nhu cầu kinh phí 2023	Ghi chú
		Dự toán	ƯTH		
A	B	1	2	3	4
	Tổng số				
I	Bổ sung chính sách chế độ mới tăng thêm				
-	Kinh phí đặc thù công tác Đảng				
-	Kinh phí dạy nghề lao động nông thôn (chuyên nhiệm vụ CTMT về quận, huyện, TX)				
-	Trợ cấp 1 lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen (Quyết định 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016)				
-	Cấp bù học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ - CP cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập				
-	Kinh phí hỗ trợ BHXH tự nguyện theo Luật BHXH				
-	Kinh phí mua thẻ BHYT cho người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng theo Luật BHXH				
-	Kinh phí hỗ trợ, mua thẻ BHYT, khám chữa bệnh cho người dân nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố				
-	Kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội.				
-	Kinh phí hỗ trợ tăng thêm cho UBMTTQ cấp xã và Ban công tác mặt trận khu dân cư (Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018)				
-	Kinh phí thực hiện Đề án Sửa học đường				
-	Kinh phí dạy nghề phổ thông cho học sinh các trường công lập trực thuộc Sở GD&ĐT				
-	Kinh phí hoạt động của Đội Trật tự xây dựng đô thị (Quyết định 4956/QĐ-UBND ngày 26/7/2017)				
-	Kinh phí hoạt động của Trung tâm phát triển quỹ đất				
-	Kinh phí quà Tết, quà 27/7 và quà 2.9 cho các đối tượng chính sách				
...				
II	Chương trình mục tiêu quốc gia và thành phố				
a	Vốn đầu tư				
1	Chương trình Giảm nghèo bền vững				
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới				
b	Vốn sự nghiệp				
-	...				
-	...				
-	...				
III	Bổ sung mục tiêu khác (Đặc thù từng địa phương)				
a	Bổ sung chi đầu tư xây dựng cơ bản				
1	...				
...					
b	Bổ sung chi thường xuyên				
1	...				
..					

TÌNH HÌNH NỢ ĐẦU TƯ XDCB, SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NSĐP NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Tình hình xử lý nợ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong kế hoạch của địa phương	
	a. Tổng số nợ đến 31/12/2021	
	- Số đã xử lý trong năm 2022	
	+ Từ dự toán ngân sách năm 2022	
	+ Từ kết dư ngân sách năm 2021	
	+ ...	
	- Số phát sinh mới 6 tháng năm 2022	
	b. Số dư nợ đến 30/6/2022	
	c. Kế hoạch xử lý nợ 6 tháng cuối năm 2022	
2	Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách địa phương	
	- Dự toán năm 2022	
	- Số đã sử dụng đến 30/6/2022	
	- Nội dung các khoản đã xử lý:	
	...	
	- Số dư đến thời điểm 30/6/2022	

DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2023
(Dùng cho các Sở, Ban, Ngành và Quận, Huyện)

STT	Chương trình mục tiêu, dự án	Thời hạn thực hiện CTMT	Thực hiện năm 2021			Dự toán năm 2022			UTH năm 2022			Dự toán năm 2023					
			Tổng số	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên			
	Tổng số																
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia																
1																	
2																	
II	Các chương trình mục tiêu																
1	...																
2																	

Ghi chú: Đánh giá chi tiết tình hình thực hiện các chi tiêu, nội dung của từng chương trình

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2023
(Dùng cho các Sở, Ban, Ngành)

Đơn vị: (USD)

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Nhà tài trợ	Thời gian thực hiện Dự án	Tổng số vốn ký kết theo Hiệp định				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2021				Đánh giá thực hiện năm 2022				Dự toán năm 2023																																					
				Cấp phát				Cấp phát				Cấp phát				Cấp phát																																					
				Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)		Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)		Cho vay lại		Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)		Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)		Cho vay lại		Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)		Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)		Cho vay lại																																	
Chi ĐTPPT	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Chi thường xuyên	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Chi ĐTPPT	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Chi thường xuyên	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Chi ĐTPPT	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng																																		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42										
	TỔNG SỐ																																																				
I	Lĩnh vực giáo dục-đào tạo và dạy nghề																																																				
I	Chương trình																																																				
2	Dự án																																																				
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình																																																				
I	Chương trình																																																				
2	Dự án.....																																																				
III																																																					

BÁO CÁO BIẾN CHẾ - TIỀN LƯƠNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM 2023

(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LINH VỰC/ĐƠN VỊ	Thực hiện năm 2021				Dự toán năm 2022				Ước thực hiện năm 2022				Dự toán năm 2023																					
		Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng số biên chế có mặt thời điểm 31/12 (Người)	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng số biên chế có mặt thời điểm 31/12 (Người)	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng số biên chế có mặt thời điểm 31/12 (Người)	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP	Trong đó: LDHĐ theo ND số 68/2000/NĐ-CP																		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28-29+30+31	29	30	31	32		
TỔNG SỐ																																			
1	Đơn vị.....																																		
2	Đơn vị.....																																		

Ghi chú: (*) Kinh phí thực hiện hợp đồng công việc theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ ngoài quỹ tiền lương hàng năm của cơ quan theo quy định tại Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ quy định về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, viên chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2023

(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp					
1	Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (chi tiết theo từng cấp học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)					
1.1	Số trường <i>(Chi tiết số trường theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>	Trường				
1.2	Số học sinh	Người				
a	Số học sinh ra trường	Người				
b	Số học sinh tuyển mới	Người				
c	Số học sinh có mặt tại thời điểm 31/5	Người				
d	Số học sinh bình quân (1)	Người				
	Trong đó - Số học sinh được miễn học phí	Người				
	- Số học sinh được giảm học phí	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ ...	Người				
1.3	Tổng kinh phí NSNN cấp	Triệu đồng				
a	Kinh phí giao tự chủ					
	- Quỹ lương và các khoản có tính chất lương	Triệu đồng				
	- Chi hoạt động chuyên môn, quản lý	Triệu đồng				
	- Chi....	Triệu đồng				
b	Kinh phí không giao tự chủ					
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>	Triệu đồng				
2	Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết sơ cấp, trung cấp, cao đẳng,...) <i>Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1</i>					
3	Giáo dục đại học và sau đại học <i>Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1</i>					
4					
II	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công chức Nhà nước					
1	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước					
2	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài					

Ghi chú: (1) Tính theo phương pháp bình quân gia quyền

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2023
(Dùng cho các Sở, Ngành)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Cơ sở khám, chữa bệnh					
1	Số cơ sở					
	<i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
2	Số giường bệnh					
3	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt					
II	Cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng					
1	Số cơ sở					
	<i>(Chi tiết cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
2	Số giường bệnh					
3	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt					
III	Cơ sở y tế dự phòng					
1	Số cơ sở					
	<i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
2	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt					
IV	Đơn vị sự nghiệp y tế, chuyên ngành đặc thù					
1	Số cơ sở					
	<i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
2	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt					
V	Tổng kinh phí NSNN cấp					
1	Nhiệm vụ khám chữa bệnh					
a	Kinh phí giao tự chủ					
	- Chi lương và các khoản có tính chất lương					
	- Chi quản lý					
	- Chi hoạt động chuyên môn					
	- Chi...					
b	Kinh phí không giao tự chủ					
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>					
2	Nhiệm vụ phòng bệnh					
a	Kinh phí giao tự chủ					
	- Chi lương và các khoản có tính chất lương					
	- Chi quản lý					
	- Chi hoạt động chuyên môn					
	- Chi...					
b	Kinh phí không giao tự chủ					
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>					
3	Nhiệm vụ...					
a	...					

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2023
(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/Đề tài/Dự án/Nhiệm vụ KH&CN (Nếu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền (Nếu cụ thể số, ngày, tháng, năm và tên cơ quan ra quyết định)	Kinh phí được phê duyệt			Kinh phí thực hiện				Dự toán bố trí năm 2023					
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Kinh phí thực hiện từ nguồn khác	Năm 2022		Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác
						Nguồn NSNN	Nguồn khác			Dự toán	Ước thực hiện đến hết năm						
A	B	I	2	3	4=5+6	5	6	7=9+10	8	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
I	Nhiệm vụ cấp quốc gia																
I.1	Nhiệm vụ chuyên tiếp																
I	Chương trình ... (Tên Chương trình)																
	Đề tài/Dự án... (Tên đề tài, dự án)																
	Đề tài/Dự án... (Tên đề tài, dự án)																
2	Các đề án/dự án/đề tài cấp quốc gia																
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																
...	...																
I.2	Nhiệm vụ mới																
I	Chương trình ... (Tên Chương trình)																
	Đề tài/Dự án... (Tên đề tài, dự án)																
	Đề tài/Dự án... (Tên đề tài, dự án)																
2	Các đề án/dự án/đề tài cấp quốc gia																
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																
...	...																
II	Nhiệm vụ cấp Thành phố																
II.1	Nhiệm vụ chuyên tiếp																

STT	Chương trình/Đề tài/Dự án/Nhiệm vụ KH&CN (Nếu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền (Nếu cụ thể số, ngày, tháng, năm và tên cơ quan ra quyết định)	Kinh phí được phê duyệt			Kinh phí thực hiện									
					Tổng số	Trong đó		Năm 2022			Lũy kế số kinh phí đã bố trí đến hết năm... (năm hiện hành)			Dự toán bố trí năm 2023			
						NSNN	NSNN khác	Tổng số	Kinh phí thực hiện từ nguồn khác	Kinh phí bố trí từ NSNN	Tổng số	NSNN	NSNN khác	Tổng số	NSNN	NSNN khác	
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+10	8	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
...	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																
IV	Các hoạt động dịch vụ công/Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng/Hoạt động thường xuyên theo cơ chế khoán Nhiệm vụ .. (Tên nhiệm vụ) Nhiệm vụ .. (Tên nhiệm vụ)																
V	Các nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền giao Nhiệm vụ .. (Tên nhiệm vụ) Nhiệm vụ .. (Tên nhiệm vụ)																
...	...																

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN NĂM 2023

(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Quỹ lương					
1	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao					
2	Số người làm việc thực tế					
3	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tính theo số người làm việc thực tế					
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên					
1	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trong lĩnh vực văn hóa thông tin <i>(chi tiết theo từng nội dung)</i>					
1.1	Kinh phí thực hiện chính sách....					
a	Số lượng					
b	Định mức					
c	Kinh phí thực hiện					
1.2	Kinh phí thực hiện chính sách....					
a	Số lượng					
b	Định mức					
c	Kinh phí thực hiện					
1.3					
2	Các khoản chi thường xuyên khác (1)					
					
					
III	Các nhiệm vụ không thường xuyên (1)					
	<i>Chi tiết theo từng nhiệm vụ chi</i>					
					
					

Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN NĂM 2023

(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
A	Cơ sở tính					
I	Đối với khối đơn vị sản xuất					
1	Số lượng tin bài					
2	Số giờ phát sóng					
3	Số lượng xuất bản					
4	Các yếu tố khác (số lượng đơn vị truyền dẫn, số kênh...) (1)					
II	Đối với khối đơn vị giúp việc (không trực tiếp sản xuất)					
1	Định biên về nhân sự					
2	Hệ số điều chỉnh (nếu có)					
3	Các yếu tố khác (1)					
B	Tổng số kinh phí					
I	Kinh phí giao tự chủ					
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương					
2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý					
3	Chi...					
					
II	Kinh phí không giao tự chủ (1)					
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi</i>					
					

Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO NĂM 2023
(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Quỹ lương					
1	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao					
2	Số người làm việc thực tế					
3	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tính theo số người làm việc thực tế					
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn					
1	Kinh phí tập huấn vận động viên					
1.1	Chi tiền ăn					
a	Huấn luyện viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
b	Vận động viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
1.2	Chi tiền công					
a	Huấn luyện viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
b	Vận động viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
1.3	Chi tiền thuê chuyên gia					
	Số lượng chuyên gia nước ngoài					
	Định mức chi/chuyên gia					
	Kinh phí chi tiền công cho chuyên gia					
2	Kinh phí đoàn tập huấn, tham dự các giải thi đấu thể thao ở nước ngoài					
2.1	Tên đoàn:.....					
	Số lượng người tham gia					
	Kinh phí thực hiện					
2.2					
3	Kinh phí mua trang thiết bị thường xuyên cho VĐV, HLV					
3.1	Trang thiết bị:.....					
a	Huấn luyện viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
b	Vận động viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
3.2	Trang thiết bị:.....					
					
4	Các khoản chi thường xuyên khác (1)					
					
III	Các nhiệm vụ không thường xuyên (1)					
	Chi tiết theo từng nhiệm vụ chi					
					

Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ.... đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Thực hiện năm 2020	Năm 2022		Lũy kế số bố trí đến hết năm 2022	Dự toán năm 2023
						Dự toán	Ước thực hiện		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường								
1	Nhiệm vụ, dự án chuyên tiếp - Nhiệm vụ/dự án..... - Nhiệm vụ/dự án..... ...								
2	Dự án mở mới (1) - Nhiệm vụ/dự án..... - Nhiệm vụ/dự án..... ...								
II	Kinh phí hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm theo quyết định của cấp có thẩm quyền								
1	Dự án chuyên tiếp - Dự án.... - Dự án....								
2	Dự án mở mới (1) - Dự án.... - Dự án....								
III	Các hoạt động môi trường khác (1)								
	- Nhiệm vụ..... - Nhiệm vụ.....								

Ghi chú: (1) Thuyết minh chi tiết từng nội dung, cơ sở và căn cứ tính toán

CƠ SỞ TÍNH CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM 2023
(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

A	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
			Dự toán	Ước thực hiện	
	B	1	2	3	4
	Tổng số				
1	Chi hoạt động nghiệp vụ (1)				
a	Sự nghiệp giao thông				
	- Chi hoạt động kinh tế đường bộ				
	- Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa				
	- Chi hoạt động kinh tế đường sắt				
	- Chi hoạt động kinh tế hàng không				
				
b	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp và phát triển nông thôn				
	- Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp				
	- Chi hoạt động kinh tế thủy lợi				
	- Chi hoạt động kinh tế thủy sản				
	- Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp				
				
c	Sự nghiệp tài nguyên				
				
				
d	Chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia				
	<i>Trong đó (ghi rõ từng mặt hàng, đơn giá)</i>				
	- Mặt hàng.....				
	- Mặt hàng.....				
				
đ	Chi sự nghiệp kinh tế khác				
2	Chi điều tra cơ bản				
3	Chi quy hoạch				
4	Trợ giá giữ đàn giống gốc (1)				
5	Chi các hoạt động kinh tế khác (1)				

Ghi chú: (1) Thuyết minh chi tiết nội dung, cơ sở và căn cứ tính toán. Trường hợp các hoạt động này có các

CHI TIẾT CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THEO CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN NĂM 2023

(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

A	B	1	2	3	4	5
I	Chi hoạt động điều tra cơ bản					
1	Dự án chuyển tiếp					
	- Dự án....					
	- Dự án....					
					
2	Dự án mở mới (1)					
	- Dự án....					
	- Dự án....					
					
II	Chi hoạt động quy hoạch					
1	Dự án chuyển tiếp					
	- Dự án					
	- Dự án					
					
2	Dự án mở mới (1)					
	- Dự án....					
	- Dự án....					
III	Các chương trình/dự án khác (1)					
	- Dự án....					
	- Dự án....					

Ghi chú: (1) Thuyết minh chi tiết từng nội dung, cơ sở và căn cứ tính.

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THUỘC LĨNH VỰC BẢO ĐẢM XÃ HỘI NĂM 2023

(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023		
			Số đối tượng	Dự toán được giao	Ước thực hiện	Số đối tượng	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ (1+2+3+4+5+6)							
1	Chi điều trị (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)							
	- Đối tượng							
	- Đối tượng							
							
2	Chi trợ cấp của đối tượng (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)							
	- Đối tượng							
	- Đối tượng							
							
3	Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng (chi tiết từng chính sách, chế độ cụ thể theo quy định của pháp luật)							
	- Chính sách							
	- Chính sách							
							
4	Chi phục vụ đối tượng							
	- Điện, nước, vệ sinh môi trường, vật tư chuyên dùng, xăng dầu...							
	- Chi mua sắm TSCĐ, trang thiết bị y tế, sửa chữa lớn							
	Trong đó:							
	+ Mua ô tô							
	+ Mai táng phí							
	-							
5	Chi thăm hỏi, đón tiếp đối tượng, thân nhân người có công							
	- Nội dung							
	- Nội dung							
							
6	Chi cho công việc							
	- Nội dung							
	- Nội dung							
							

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI NĂM 2023

(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023		
			Số đối tượng	Dự toán được giao	Ước thực hiện	Số đối tượng	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán
A	B	1	2	3	4	5	6	7
I	Trợ cấp và nuôi dưỡng hàng tháng tại cộng đồng							
1	Trợ cấp xã hội (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)							
1.1	- Đối tượng							
1.2	- Đối tượng							
1.3							
2	Hỗ trợ chi phí chăm sóc (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)							
2.1	- Đối tượng							
2.2	- Đối tượng							
2.3							
3	Nuôi dưỡng trong cơ sở BTXH (chi tiết từng chính sách, chế độ cụ thể theo quy định của pháp luật)							
3.1	- Chính sách							
3.2	- Chính sách							
3.3							
II	Kinh phí mua thẻ BHYT							
III	Mai táng phí							
A	TỔNG TRỢ CẤP THƯỜNG XUYÊN (I + II + III)							
B	TRỢ CẤP ĐỘT XUẤT							
	TỔNG CỘNG (A + B)							

**CƠ SỞ TÍNH CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM 2023**
(Dùng cho các Sở, Ngành, Đoàn thể và Quận, Huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Cơ sở tính				
1	Biên chế được giao				
2	Biên chế thực tế				
II	Tổng số kinh phí				
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương				
a	Tính theo biên chế thực tế				
b	Tính theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (<i>đối với trường hợp biên chế thực tế thấp hơn biên chế được cấp có thẩm quyền giao</i>)				
2	Chi thường xuyên theo định mức				
3	Chi đặc thù ngoài định mức (1)				
	- Nội dung				
	- Nội dung				
	-				

Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

TT	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế KC-HT	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được giao KH các năm		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm		Thực hiện năm 2021	Năm 2022					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023			Ghi chú								
						TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thủ toán nợ XDCB	Kế hoạch năm hiện hành được giao	Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 31/7/2021		Ước thực hiện năm hiện hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN	Tổng số	Trong đó: NSNN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
II	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																											

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY Ừ DÀI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT (GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm TMDT				Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm				Thực hiện năm (năm trước)						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
							Vốn trong nước	NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác		Vốn trong nước	NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác		Vốn trong nước	NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	TỔNG SỐ Chương trình mục tiêu.....																			
*	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm ... (năm hiện hành)																			
a	<i>Dự án nhóm A</i>																			
l	Dự án.....																			
...	...																			
b	<i>Dự án nhóm B</i>																			
l	Dự án.....																			
...	...																			
c	<i>Dự án nhóm C</i>																			
l	Dự án.....																			
...	...																			
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm ... (năm kế hoạch)																			
	<i>Phân loại như điểm (l)</i>																			
...	...																			
*	Các dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm.... (năm kế hoạch)																			
	<i>Phân loại như điểm (l)</i>																			
...	...																			
-4	Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch)																			
	<i>Phân loại như điểm (l)</i>																			
...	...																			
II	Dự án.....																			

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HIT	QD đầu tư ban đầu hoặc QD đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KII các năm			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm			Thực hiện năm (năm trước)									
					Số quyết định	TMDT		Vốn trong nước		Vốn trong nước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trong nước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Vốn nước ngoài	Tổng số		NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác		Vốn nước ngoài				
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
...	Phân loại như trên																			
III	Chương trình																			
...	Phân loại như trên																			
IV	Các chương trình, dự án khác giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước (nếu có phát sinh trong năm ... (năm kế hoạch))																			
...	Phân loại như trên																			

Ghi chú

(*) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang (nếu có)

**KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN VAY NĂM 2023 CỦA CÁC DỰ ÁN ODA VÀ VAY ƯU ĐÃI
TỪ NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình, dự án	Thời gian thực hiện theo Hiệp định đã ký kết	Tổng số vốn vay theo Hiệp định đã ký kết	Tổng số vốn vay	Tổng số vốn vay lại	Kế hoạch giải ngân vốn vay năm 2022			Kế hoạch giải ngân vốn vay năm 2023
						Dự toán giao năm 2022 (1)	7 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	Tổng số								
1	Chương trình/Dự án								
2	Chương trình/Dự án								
3	Chương trình/Dự án								
								

Ghi chú: (1) Theo danh mục chương trình, dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại Bộ Tài chính giao tại Quyết định số 2231/QĐ-BTC, ngày 23/11/2018

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT
NĂM 2023 VÀ GIAI ĐOẠN 2022-2024**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị và tên dự án đầu tư (1)	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Lũy kế thực hiện hết 2022		Kế hoạch 2023 và giai đoạn 2023-2025		Ghi chú
					Tổng kinh phí	Trong đó: năm 2022	Kế hoạch 2023	Giai đoạn 2023-2025	
1	2				3		4	5	6
	Tổng số								
1	Tên đơn vị/tổ chức.... - Tên dự án đầu tư.... - Tên dự án đầu tư....								
2	Tên cơ quan/tổ chức.... - Tên dự án đầu tư.... - Tên dự án đầu tư....								
3								

Ghi chú: (1) Ghi rõ tên đơn vị có dự án đầu tư và tên dự án đầu tư từ nguồn tiền thu được từ xử lý tài sản công

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2023

STT	Chính sách, chế độ	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện năm 2022		Dự kiến thực hiện năm 2023		Ghi chú
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5	6	
	Tổng số							
I	Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội							
I	Các chính sách thuộc sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề							
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2022/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ							
	+ Miễn học phí							
	+ Hỗ trợ 70% học phí							
	+ Hỗ trợ 50% học phí							
	+ Hỗ trợ chi phí học tập							
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ							
-	Hỗ trợ tiền đóng học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội							
	+ Hỗ trợ tiền đóng học phí							
	+ Hỗ trợ chi phí học tập							
-	Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng ngoài công lập theo Quyết định số							
-	Học bổng chính sách đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT							
-	Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT - BLĐT BXH-BTC							
-	Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP							
-	Chính sách.....							
2	Các chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế							
	+ BHYT cho người nghèo, DTTS vùng khó khăn; người đang sinh sống tại vùng ĐBK, xã đảo, huyện đảo							
	+ BHYT cho người thuộc Hộ cận nghèo							
	+ BHYT cho học sinh, sinh viên							

STT	Chính sách, chế độ	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện năm 2022		Dự kiến thực hiện năm 2023		Ghi chú
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	
	+ BHYT - Trẻ em dưới 6 tuổi							
	+ BHYT - Hộ nông, lâm, ngư, diêm có mức sống trung bình (30%)							
	+ BHYT - Người đã hiến bộ phận cơ thể							
	+ BHYT - Nghệ nhân ưu tú							
	+ BHYT ĐTXH đang hưởng trợ cấp tại cộng đồng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội							
	+ BHYT - Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học							
	+ BHYT - Người tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thời việc theo Quyết định 62/2021/QĐ-TTg							
	+ BHYT- Cựu chiến binh theo Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ							
	+ Kinh phí BHYT theo Nghị định 290/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ							
	+ Kinh phí BHYT dân công hỏa tuyến theo QĐ 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ							
	+ BHYT - Người từ 80 tuổi hưởng trợ cấp tuất hàng tháng							
	+ Hỗ trợ BHYT cho thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo; thành viên hộ gia đình cận nghèo được công nhận thoát cận nghèo theo Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội							
	+ BHYT cho đối tượng.....							
3	Các chính sách thuộc sự nghiệp đảm bảo xã hội khác							
-	Trợ cấp TNXP theo QĐ 29/2016/QĐ-TTg							
-	Trợ cấp hàng tháng ĐTXH tại cộng đồng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của HĐND Thành phố							
-	Trợ cấp 1 lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen theo QĐ 24/2016/QĐ-TTg							
-	Kinh phí hỗ trợ BHXH tự nguyện							
-	Tiền điện hộ nghèo							
-	Tiền điện hộ chính sách							
-	Hỗ trợ mai táng phí cựu chiến binh theo QĐ 150/2006/NĐ-CP							
-	Hỗ trợ mai táng phí theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011							

STT	Chính sách, chế độ	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện năm 2022		Dự kiến thực hiện năm 2023		Ghi chú
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	
-	Hỗ trợ mai táng phí theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng							
-	Hỗ trợ mai táng phí công dân hóa tuyền theo QĐ 49/2015/QĐ-TTg							
-	Hỗ trợ mai táng phí đối tượng xã hội tại cộng đồng theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của HĐND TP							
-	Chính sách.....							
4	Kinh phí thực hiện các chính sách đặc thù do Trung ương và Thành phố ban hành và có hiệu lực thi hành trước 01/01/2022							
-	Quà tết nguyên đán							
-	Quà ngày T.B.L.S 27/7							
-	Quà ngày Quốc khánh 02/9							
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích hóa táng theo Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND TP Hà Nội							
-	Chính sách điều dưỡng đối với NCC với cách mạng từ 80 tuổi trở lên hai năm một lần, trong năm không thực hiện chính sách điều dưỡng của Trung ương							
	Điều dưỡng tập trung							
	Điều dưỡng tại nhà							
-	Trợ cấp hàng tháng các đối tượng theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND TP Hà Nội							
-	Chính sách tại Nghị quyết 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND TP Hà Nội							
	+ Chính sách....							
	+ Chính sách....							
II	Kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa							
I	Chính sách.....							
2	Chính sách.....							
							
III	Kinh phí thực hiện các chính sách ASXH do Trung ương và Thành phố ban hành và có hiệu lực thi hành sau ngày 01/01/2022							
I	Kinh phí thực hiện Chương trình sức khỏe học đường năm 2023 theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ							

STT	Chính sách, chế độ	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện năm 2022		Dự kiến thực hiện năm 2023		Ghi chú
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	
2	Kinh phí hỗ trợ thêm tiền đóng BHXH cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 (PL04- Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022)							
3	Chính sách.....							
4	Chính sách.....							
							

Ghi chú: Mỗi chính sách đề nghị địa phương có biểu thuyết minh chi tiết theo đối tượng và mức chi theo chế độ quy định (trường hợp có các đối tượng tăng thêm do áp dụng mức chuẩn nghèo mới, đề nghị thuyết minh cụ thể)